

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: LUGOL'S SOLUTION – DUNG DỊCH IODINE/POTASSIUM IODIDE

### MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất (IUPAC / quốc tế):** Lugol's Solution
- Tên khác:** Dung dịch Iodine/Potassium Iodide, I<sub>2</sub>/KI solution
- Công thức:** I<sub>2</sub> + KI trong H<sub>2</sub>O
- CAS:** 7553-56-2 (I<sub>2</sub>), 7681-11-0 (KI)
- Dạng:** Dung dịch nước nâu, mùi đặc trưng iodine
- Sử dụng đã định:** Thuốc sát trùng, tẩy khuẩn, phòng thí nghiệm
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
  - Tên công ty: CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
  - Mã số thuế: 0314051291
  - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
  - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

### MỤC 2: NHẬN DẠNG MÔI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
  - Acute Tox. 4 – H302: Có hại nếu nuốt phải
  - Skin Irrit. 2 – H315: Gây kích ứng da
  - Eye Irrit. 2 – H319: Gây kích ứng mắt
  - Aquatic Acute 1 – H400: Rất độc đối với sinh vật thủy sinh
- Biểu tượng GHS:**
  - Ăn mòn/kích ứng (GHS07)
  - Nguy hại môi trường (GHS09)
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
  - H302:** Có hại nếu nuốt phải
  - H315:** Gây kích ứng da
  - H319:** Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
  - H400:** Rất độc cho sinh vật thủy sinh (cấp tính)
- Câu phòng ngừa:**
  - P264: Rửa tay kỹ sau khi tiếp xúc
  - P273: Tránh thải ra môi trường
  - P280: Mang găng tay, kính bảo hộ
  - P301+P312: Nếu nuốt phải: gọi trung tâm y tế
  - P302+P352: Nếu dính da: rửa với nhiều xà phòng và nước
  - P305+P351+P338: Nếu dính mắt: rửa ngay với nhiều nước

### MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Tỷ lệ
Iodine (I <sub>2</sub> )	7553-56-2	1-2%
Potassium Iodide (KI)	7681-11-0	2-3%
Nước	7732-18-5	Còn lại

### MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Di chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, hô hấp nhân tạo nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa ngay bằng nhiều nước và xà phòng, cởi bỏ quần áo nhiễm
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế
- Nuốt phải:** Không gây nôn, đưa ngay đến cơ sở y tế

## MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- **Phương tiện:** Bột khô, CO<sub>2</sub>, bột chống hóa chất
- **Nguy cơ cháy nổ:** Không cháy, nhưng dung dịch có thể giải phóng hơi I<sub>2</sub> ở nhiệt độ cao
- **Bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc, găng tay, kính bảo hộ

---

## MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Tránh tiếp xúc trực tiếp
- Thu gom bằng vật liệu trung tính (cát, đất khô), cho vào thùng kín
- Không đổ vào cống rãnh, nguồn nước

---

## MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Trong tủ hút hoặc nơi thông gió tốt
- **Bảo quản:** Nơi khô, mát, tránh ánh sáng trực tiếp và nguồn nhiệt
- **Không tương thích:** Chất khử mạnh, bazơ mạnh

---

## MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Hô hấp:** Mặt nạ lọc bụi/hơi độc
- **Tay:** Găng tay chống hóa chất
- **Mắt:** Kính bảo hộ kín
- **Da:** Quần áo bảo hộ

---

## MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Dung dịch lỏng
Màu sắc	Nâu đậm
Mùi	Đặc trưng, hắc
Tan trong nước	Tan hoàn toàn
pH	~3-4
Mật độ	1.1-1.2 g/mL

---

## MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định trong điều kiện bình kín, khô
- Tránh nhiệt, ánh sáng, chất khử mạnh
- Phản ứng nguy hiểm: Giải phóng khí I<sub>2</sub> khi tiếp xúc với chất khử hoặc bazơ mạnh

---

## MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- LD50 (chuột, uống): 30 mg/kg (ước lượng)
- Gây kích ứng da, mắt, hô hấp

---

## MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Rất độc với sinh vật thủy sinh
- Có khả năng tích lũy sinh học
- Không phân hủy sinh học nhanh

---

## MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom bằng vật liệu trung tính, không xả trực tiếp ra môi trường
- Xử lý theo quy định chất thải nguy hại

---

## MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** 2811 (dung dịch Iodine, Oxidizing, n.o.s.)
- **Loại nguy hiểm:** 8 (Ăn mòn)

- Tuân thủ ADR/IMDG/IATA
- 

#### **MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH**

- Tuân thủ TCVN 9487:2012
  - Là hóa chất nguy hại, cần bảo quản và xử lý đúng quy định
- 

#### **MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC**

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tham khảo: Sigma-Aldrich SDS, PubChem, GHS Purple Book
- Ghi chú:
  - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
  - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
  - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế